

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt ( **VIETVALUES** )

*Công ty thành viên của JPA International*

Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, Phường 13, Quận 5, TP. HCM

Chi nhánh Đà Nẵng: 63/5 Trần Quốc Toàn, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Email: [contact@vietvalues.com](mailto:contact@vietvalues.com)

Website: [www.vietvalues.com](http://www.vietvalues.com)



# **BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY**

## MỤC LỤC

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
1. Báo cáo của Ban điều hành	02 – 04
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	05 – 06
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	07 – 08
4. Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	09
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	10
6. Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	11 – 37

---





# CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

## Báo cáo của Ban Điều hành

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán.

#### 1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây là công ty cổ phần được cổ phần hóa theo Quyết định số 3932/QĐ-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ Giao thông Vận tải từ Công ty TNHH Một thành viên Cảng Chân Mây. Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3300515171 ngày 26/06/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp, Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 10 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 25/01/2022.

Cổ phiếu của Công ty đã đăng ký và được cấp mã chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam tại Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 117/2015/GCNCP-VSD ngày 01/12/2015 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam với mã chứng khoán là CMP.

Vốn điều lệ: 324.054.150.000 đồng

Vốn góp thực tế tính đến ngày 31/12/2021: 324.054.150.000 đồng

#### 2. Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Điện thoại : (+84) 234 – 3 891 841

Fax: : (+84) 234 – 3 891 838

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Sản xuất, truyền tải, phân phối điện;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Dịch vụ cung ứng tàu biển;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa,...

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Báo cáo của Ban Điều hành (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

## 4. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

### 4.1. Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Dương Bá Hòa	Chủ tịch	08/05/2020	
Ông Huỳnh Văn Toàn	Thành viên	17/12/2020	
Ông Trần Văn Phong	Thành viên	08/05/2020	
Bà Hồ Hoàng Thi	Thành viên	08/05/2020	
Ông Nguyễn Tiến Đạt	Thành viên	17/08/2020	

### 4.2. Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phan Tuấn Anh	Trưởng ban	08/05/2020	
Ông Nguyễn Công Định	Thành viên	08/05/2020	
Bà Lê Thị Hoàng Diệu	Thành viên	08/05/2020	

### 4.3. Ban điều hành

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Huỳnh Văn Toàn	Tổng Giám đốc	05/11/2020	
Ông Nguyễn Thành Công	Phó Tổng Giám đốc	12/06/2020	
Ông Nguyễn Văn Chương	Phó Tổng Giám đốc	27/03/2020	
Bà Hồ Hoàng Thi	Phó Tổng Giám đốc	12/06/2020	
Ông Ngô Khánh Toàn	Kế toán trưởng	12/06/2020	

## 5. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Huỳnh Văn Toàn, chức vụ Tổng Giám đốc Công ty, tái bổ nhiệm ngày 05/11/2020.

## 6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 7 đến trang 37.

## 7. Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo ý kiến của Ban Điều hành, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

## 8. Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG CHÂN MÂY**

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

**Báo cáo của Ban Điều hành (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### **9. Trách nhiệm của Ban Điều hành**

Ban Điều hành chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Điều hành phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Điều hành đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các sai phạm khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

### **10. Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Điều hành phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Thay mặt Ban Điều hành**



**HUỲNH VĂN TOÀN**

**Tổng Giám đốc**

Phú Lộc, ngày 10 tháng 03 năm 2022



Số: 07/2022/BCKT/AUD-DNVVALUES

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH  
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 10 tháng 03 năm 2022, từ trang 07 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

TP. Đà Nẵng, ngày 10 tháng 03 năm 2022

**Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng- VIETVALUES**



**Lê Thị Thanh Kim - Giám đốc Chi nhánh**

Giấy CNĐKHN số: 2896-2019-071-1

Chữ ký được ủy quyền

**Trần Xuân Thạnh - Kiểm toán viên**

Giấy CNĐKHN số: 1560-2018-071-1

**Nơi nhận:**

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>126.359.614.793</b>	<b>110.722.456.394</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	V.1	<b>78.777.943.141</b>	<b>67.093.516.368</b>
111	1. Tiền		21.777.943.141	19.093.516.368
112	2. Các khoản tương đương tiền		57.000.000.000	48.000.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		-	-
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>32.137.530.217</b>	<b>22.305.878.718</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	17.780.528.881	10.052.355.692
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	2.939.461.087	876.508.525
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.4	1.500.000.000	1.500.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.5	13.182.322.808	13.141.797.060
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.6	(3.264.782.559)	(3.264.782.559)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>4.658.264.697</b>	<b>3.456.933.147</b>
141	1. Hàng tồn kho	V.7	4.658.264.697	3.456.933.147
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>10.785.876.738</b>	<b>17.866.128.161</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.8.1	284.111.215	225.993.394
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		10.499.759.960	17.624.167.570
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.14	2.005.563	15.967.197
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>596.599.381.780</b>	<b>578.961.549.379</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		-	-
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>584.407.204.401</b>	<b>268.824.420.953</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.9	584.399.011.334	268.793.856.203
222	- Nguyên giá		1.022.734.170.239	677.670.058.944
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(438.335.158.905)	(408.876.202.741)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.10	8.193.067	30.564.750
228	- Nguyên giá		184.609.600	184.609.600
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(176.416.533)	(154.044.850)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		-	-
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>1.603.236.559</b>	<b>304.990.632.808</b>
241	1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.11	1.603.236.559	304.990.632.808
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		-	-
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>10.588.940.820</b>	<b>5.146.495.618</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.8.2	10.588.940.820	5.146.495.618
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>722.958.996.573</b>	<b>689.684.005.773</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG CHÂN MÂY**

Địa chỉ: Thôn Bình An, Xã Lộc Vĩnh, Huyện Phú Lộc, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>370.163.366.372</b>	<b>329.143.617.379</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>126.114.392.193</b>	<b>75.249.328.037</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.12	5.334.867.538	7.337.781.350
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.13.1	393.769.996	134.105.061
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.14	337.181.165	466.449.042
314	4. Phải trả người lao động	V.15	11.089.327.276	10.962.610.171
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.16	37.208.998.254	2.685.560.460
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.17	497.699.988	497.699.989
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.18	52.450.057.014	44.463.900.583
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.19.1	12.000.000.000	7.154.684.837
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	V.20	4.018.300.032	-
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.21	2.784.190.930	1.546.536.544
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>244.048.974.179</b>	<b>253.894.289.342</b>
332	1. Người mua trả tiền trước dài hạn	V.13.2	67.872.483.570	67.872.483.570
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.19.2	176.176.490.609	186.021.805.772
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>352.795.630.201</b>	<b>360.540.388.394</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	V.22	<b>352.795.630.201</b>	<b>360.540.388.394</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		324.054.150.000	324.054.150.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		324.054.150.000	324.054.150.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		26.889.105.927	22.776.049.155
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.852.374.274	13.710.189.239
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		-	-
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		1.852.374.274	13.710.189.239
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>722.958.996.573</b>	<b>689.684.005.773</b>

Người lập biểu



BÙI THỊ NGỌC LINH

Kế toán trưởng



NGÔ KHÁNH TOÀN

Phú Lộc, ngày 10 tháng 03 năm 2022

Tổng Giám Đốc



HUỲNH VĂN TOÀN

**CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG CHÂN MÂY**

Địa chỉ: Thôn Bình An, Xã Lộc Vĩnh, Huyện Phú Lộc, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Kết quả hoạt động kinh doanh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	VI.1	<b>166.939.258.801</b>	<b>137.163.956.805</b>
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>166.939.258.801</b>	<b>137.163.956.805</b>
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	128.816.602.875	94.180.188.556
20	<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>38.122.655.926</b>	<b>42.983.768.249</b>
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	1.667.043.218	1.948.435.338
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	8.218.425.537	6.898.106
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		8.196.571.282	-
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	1.615.150.768	1.507.788.186
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	27.795.903.543	27.457.808.712
30	<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>2.160.219.296</b>	<b>15.959.708.582</b>
31	11. Thu nhập khác	VI.7	15.243.815	24.638.603
32	12. Chi phí khác	VI.8	427.706	29.960.479
40	<b>13. Lợi nhuận khác</b>		<b>14.816.109</b>	<b>(5.321.876)</b>
50	<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>2.175.035.405</b>	<b>15.954.386.706</b>
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.14	322.661.131	2.244.197.467
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		<b>1.852.374.274</b>	<b>13.710.189.239</b>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.9	49	360
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.10	49	360

Người lập biểu

**BÙI THỊ NGỌC LINH**

Kế toán trưởng

**NGÔ KHÁNH TOÀN**

Phụ Lục, ngày 10 tháng 03 năm 2022

Tổng Giám Đốc

**HUỲNH VĂN TOÀN**



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

ĐVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>2.175.035.405</b>	<b>15.954.386.706</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	V.9, V.10	29.474.709.664	23.827.747.736
03	- Các khoản dự phòng		4.018.300.032	(3.385.360.343)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		21.854.255	5.807.830
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.667.043.218)	(1.947.345.062)
06	- Chi phí lãi vay		8.196.571.282	-
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>42.219.427.420</b>	<b>34.455.236.867</b>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(952.879.040)	18.396.915.469
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(1.201.331.550)	1.375.966.469
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(8.354.788)	(7.359.060.793)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(5.500.563.023)	(147.702.878)
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(5.415.106.768)	-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.14	(466.449.042)	(4.217.481.064)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(818.874.000)	(1.755.892.000)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>27.855.869.209</b>	<b>40.747.982.070</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(12.738.580.009)	(56.056.185.258)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.672.692.533	2.007.174.001
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(11.065.887.476)</b>	<b>(54.049.011.257)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	V.19	-	27.386.310.890
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	V.19	(5.000.000.000)	-
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(83.700.705)	(16.177.123.100)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(5.083.700.705)</b>	<b>11.209.187.790</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>		<b>11.706.281.028</b>	<b>(2.091.841.397)</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>67.093.516.368</b>	<b>69.186.448.041</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(21.854.255)	(1.090.276)
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	V.1	<b>78.777.943.141</b>	<b>67.093.516.368</b>

Người lập biểu



**BÙI THỊ NGỌC LINH**

Kế toán trưởng



**NGÔ KHÁNH TOÀN**

Tổng Giám Đốc




**HUỲNH VĂN TOÀN**



# **CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY**

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được cổ phần hóa theo Quyết định số 3932/QĐ-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ Giao thông Vận tải từ Công ty TNHH Một thành viên Cảng Chân Mây. Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3300515171 ngày 26/06/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp, Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Cổ phiếu của Công ty đã đăng ký và được cấp mã chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam tại Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 117/2015/GCNCP-VSD ngày 01/12/2015 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam với mã chứng khoán là CMP.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau như: dịch vụ cung ứng tàu biển, thương mại - dịch vụ...

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Sản xuất, truyền tải, phân phối điện;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Dịch vụ cung ứng tàu biển;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa,...



**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường đối với các hoạt động của Công ty thường kéo dài không quá 12 tháng.

**5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Trong năm, Công ty đã tiến hành đưa công trình Bến số 2 vào sử dụng từ ngày 01/07/2021. Chi phí khấu hao tài sản cố định bến số 2 và chi phí dịch vụ mua ngoài liên quan đến hoạt động của bến số 2 phát sinh lớn, làm cho giá vốn tăng cao. Mặt khác khi bến số 2 đưa vào hoạt động, chi phí lãi vay không còn được vốn hóa vào giá trị công trình mà phải ghi nhận vào chi phí tài chính, làm cho chi phí tài chính tăng đáng kể so với năm trước. Bên cạnh đó, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, chi phí liên quan đến hoạt động phòng chống dịch phát sinh trong năm tương đối lớn. Điều đó dẫn đến lợi nhuận trước thuế năm nay giảm so với năm trước mặc dù doanh thu tăng.

Ngoài ra, không có sự kiện nào về môi trường pháp lý, quản lý, tài chính, các sự kiện sáp nhập, chia, tách, thay đổi quy mô... có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

**6. Cấu trúc Công ty**

*Công ty có các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:*

<b>Tên đơn vị</b>	<b>Địa chỉ</b>
Xí nghiệp Xếp dỡ Cảng Chân Mây	Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế
Xí nghiệp Cơ giới Cảng Chân Mây	Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế
Xí nghiệp Dịch vụ Cung ứng Tàu biển Cảng Chân Mây	Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế
Văn Phòng đại diện tại thành phố Huế	Tầng 3, nhà số 130 Nguyễn Huệ, phường Phú Nhuận, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế

**7. Nhân viên**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 309 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 291 nhân viên).

**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



# **CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY**

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Các giao dịch nội bộ (doanh thu – chi phí) và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

### **2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### **3. Các khoản đầu tư tài chính**

#### ***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

### **4. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG CHẤN MÂY**

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### **5. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công và chi phí chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### **6. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

##### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

##### ***Chi phí sửa chữa tài sản cố định***

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

#### **7. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư 45/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2014 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm/Kỳ này</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	9 - 40
Máy móc và thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 18
Thiết bị dụng cụ quản lý	4 - 12



## **CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY**

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### **8. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

##### **Chương trình phần mềm**

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

#### **9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### **10. Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả và khoản phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### **11. Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn khi trình bày trên báo cáo tài chính.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các kế hoạch vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Đối với các khoản vay và nợ thuê tài chính là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá bán tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

##### **Chi phí đi vay**



## **CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY**

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong năm tài chính được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

#### **12. Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

#### **13. Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện phản ánh số tiền của khách hàng trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về việc cho thuê mặt bằng, bãi chứa.

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn là khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà doanh nghiệp sẽ phải thực hiện trong vòng 12 tháng tiếp theo hoặc trong một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường tại thời điểm báo cáo.

Doanh thu chưa thực hiện dài hạn là khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà doanh nghiệp sẽ phải thực hiện sau 12 tháng hoặc sau một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường tiếp theo tại thời điểm báo cáo.

#### **14. Vốn chủ sở hữu**

##### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### ***Quỹ đầu tư phát triển***

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

##### ***Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp***

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

#### **15. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.



# **CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY**

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### **16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu là lợi ích kinh tế thu được làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp ngoại trừ phần đóng góp thêm của các cổ đông. Doanh thu được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế, được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản được quyền nhận, không phân biệt đã thu tiền hay sẽ thu được tiền.

#### ***Doanh thu bán hàng hoá xăng dầu***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ tại cảng***

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### **17. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong kỳ bao gồm các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

### **18. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa và chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc gi giảm giá vốn hàng bán.



# CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*

### 19. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính bao gồm chi phí lãi tiền vay và lỗ tỷ giá hối đoái.

### 20. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

### 21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

### 22. Báo cáo theo bộ phận

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.
- Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### 23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐƠN VỊ: VND)

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	416.503.993	35.008.771
Tiền gửi ngân hàng	21.361.439.148	19.058.507.597
Các khoản tương đương tiền (*)	57.000.000.000	48.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>78.777.943.141</b>	<b>67.093.516.368</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY**

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

(\*) Các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Tiền gửi có kỳ hạn < 3 tháng				
- Ngân hàng Vietinbank - CN TT Huế	41.000.000.000	-	32.000.000.000	-
- Ngân hàng BIDV - CN TT Huế	8.000.000.000	-	8.000.000.000	-
- Ngân hàng Vietcombank - CN TT Huế	8.000.000.000	-	8.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>57.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>48.000.000.000</b>	<b>-</b>

**2. Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	-	-
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>17.780.528.881</b>	<b>10.052.355.692</b>
- Công ty TNHH Chế Biến Gỗ Xuất Khẩu Phúc Thịnh	3.670.036.207	39.108.789
- Công ty TNHH Liên doanh Nguyên liệu giấy Huế	1.884.241.798	-
- Công ty TNHH Thương mại Vận tải Trust Marine	1.518.426.514	156.750.594
- Công ty TNHH SHAIYO AA Việt Nam	1.310.393.722	-
- Các khách hàng khác	9.397.430.640	9.856.496.309
<b>Cộng</b>	<b>17.780.528.881</b>	<b>10.052.355.692</b>

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Trả trước cho các bên liên quan</b>	-	-
<b>Trả trước cho người bán khác</b>	<b>2.939.461.087</b>	<b>876.508.525</b>
- Công Ty Cổ Phần UNICO VINA	842.500.000	-
- Công ty TNHH Kiểm toán AVN Việt Nam	502.500.000	502.500.000
- Công ty cổ phần Tư vấn và xây dựng Thịnh Long	258.462.085	258.462.085
- Công ty TNHH TM kỹ thuật Âu Châu	224.840.000	-
- Các nhà cung cấp khác	1.111.159.002	115.546.440
<b>Cộng</b>	<b>2.939.461.087</b>	<b>876.508.525</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY**

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**4. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu cho vay với các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu cho vay với các đối tượng và cá nhân khác</i>	<b>1.500.000.000</b>	<b>1.500.000.000</b>
- Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin	1.500.000.000	1.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>1.500.000.000</b>

Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin vay theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 01/2008 ngày 22/11/2008 số tiền 500.000.000 đồng với lãi suất 12%/ năm, thời hạn vay là 3 tháng và hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 02/2009 ngày 13/05/2009 số tiền 1.000.000.000 đồng với lãi suất 9,5%/năm, thời hạn vay là 3 tháng.

**5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>1.801.250.374</b>	<b>513.918.664</b>	<b>2.095.839.976</b>	<b>513.918.664</b>
- Ban quản lý Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô	951.347.248	-	951.347.248	-
- Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin	513.918.664	513.918.664	513.918.664	513.918.664
- Công ty TNHH Du lịch Hoa Tiagon	-	-	146.475.000	-
- Phải thu CBCNV về thuế thu nhập cá nhân	233.488.160	-	375.283.448	-
- Lãi dự thu tiền gửi Ngân hàng	102.186.301	-	107.835.616	-
- Các đối tượng phải thu khác	310.001	-	980.000	-
<i>Tạm ứng CBCNV</i>	<b>884.428.505</b>	-	<b>549.816.197</b>	-
<i>Ký quỹ ký cược ngắn hạn</i>	<b>10.496.643.929</b>	-	<b>10.496.140.887</b>	-
- Ban quản lý khu kinh tế công nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế (*)	10.224.850.000	-	10.224.850.000	-
- Ký quỹ kinh doanh lữ hành quốc tế	251.793.929	-	251.290.887	-
- Ký quỹ thuê văn phòng	20.000.000	-	20.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>13.182.322.808</b>	<b>513.918.664</b>	<b>13.141.797.060</b>	<b>513.918.664</b>

(\*) Khoản tiền ký quỹ đối với việc đầu tư xây dựng bến số 02 – Cảng Chân Mây theo thỏa thuận ký quỹ số 50/QĐ-KKTCN với Ban quản lý khu kinh tế, công nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY**

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****6. Nợ xấu**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Các bên liên quan</b>		-	-		-	-
<b>Các tổ chức và cá nhân khác</b>		<b>3.264.782.559</b>	-		<b>3.264.782.559</b>	-
- Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin	>3 năm	2.171.369.272	-	>3 năm	2.171.369.272	-
- Công ty TNHH Sơn Tùng	>3 năm	627.329.522	-	>3 năm	627.329.522	-
- Chi nhánh DNTN TM & DV Hoàng Việt	>3 năm	154.849.350	-	>3 năm	154.849.350	-
- Công ty cổ phần nhựa đường Minh Đạt	>3 năm	144.750.000	-	>3 năm	144.750.000	-
- Công ty TNHH Khai thác Than Đông Bắc	>3 năm	83.858.340	-	>3 năm	83.858.340	-
- Công ty TNHH MTV Xây dựng Khánh Bảo	>3 năm	60.000.000	-	>3 năm	60.000.000	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Xây dựng Hồng Kim	>3 năm	17.753.300	-	>3 năm	17.753.300	-
- Công ty CP Vận tải biển và Thương mại Hàng Hải	>3 năm	3.736.256	-	>3 năm	3.736.256	-
- Công ty TNHH Thương mại Vận tải biển Hợp Thành	>3 năm	1.136.519	-	>3 năm	1.136.519	-
<b>Cộng</b>		<b>3.264.782.559</b>	<b>-</b>		<b>3.264.782.559</b>	<b>-</b>

**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.760.459.496	-	2.401.724.088	-
Công cụ, dụng cụ	1.289.115.765	-	618.952.500	-
Hàng hóa	608.689.436	-	436.256.559	-
<b>Cộng</b>	<b>4.658.264.697</b>	<b>-</b>	<b>3.456.933.147</b>	<b>-</b>

Nguyên liệu, vật liệu là những vật tư, nhiên liệu được sử dụng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và sửa chữa tài sản cố định.

Công cụ dụng cụ là những dụng cụ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, được mua về nhưng chưa sử dụng.

Hàng hóa của Công ty là xăng, dầu dự trữ để bán.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY**

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****8. Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn****8.1. Ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bảo hiểm	197.473.852	152.993.394
Chi phí thuê văn phòng	86.637.363	73.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>284.111.215</u></b>	<b><u>225.993.394</u></b>

*Chi tiết biến động chi phí trả trước ngắn hạn trong năm như sau:*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số dư đầu năm	225.993.394	229.531.715
Tăng trong năm	546.414.960	450.825.232
Phân bổ trong năm	(488.297.139)	(454.363.553)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b><u>284.111.215</u></b>	<b><u>225.993.394</u></b>

**8.2. Dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sửa chữa tài sản	8.768.483.220	4.062.620.482
Chi phí công cụ dụng cụ	1.820.457.600	1.083.875.136
<b>Cộng</b>	<b><u>10.588.940.820</u></b>	<b><u>5.146.495.618</u></b>

*Chi tiết biến động chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số dư đầu năm	5.146.495.618	4.995.254.419
Tăng trong năm	10.057.879.621	3.837.219.880
Phân bổ trong năm	(4.615.434.419)	(3.685.978.681)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b><u>10.588.940.820</u></b>	<b><u>5.146.495.618</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY**

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	541.610.066.858	99.720.081.535	33.590.336.909	2.749.573.642	677.670.058.944
Mua sắm trong năm	-	5.860.799.190	-	166.105.385	6.026.904.575
Đ/tư XDCB h/thành	339.037.206.720	-	-	-	339.037.206.720
<b>Số cuối năm</b>	<b>880.647.273.578</b>	<b>105.580.880.725</b>	<b>33.590.336.909</b>	<b>2.915.679.027</b>	<b>1.022.734.170.239</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	302.865.541.663	72.631.931.200	31.082.276.103	2.296.453.775	408.876.202.741
Khấu hao trong năm	22.271.650.044	6.330.527.660	635.410.152	221.368.308	29.458.956.164
<b>Số cuối năm</b>	<b>325.137.191.707</b>	<b>78.962.458.860</b>	<b>31.717.686.255</b>	<b>2.517.822.083</b>	<b>438.335.158.905</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	238.744.525.195	27.088.150.335	2.508.060.806	453.119.867	268.793.856.203
<b>Số cuối năm</b>	<b>555.510.081.871</b>	<b>26.618.421.865</b>	<b>1.872.650.654</b>	<b>397.856.944</b>	<b>584.399.011.334</b>

- Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao vẫn tiếp tục sử dụng tại ngày 31/12/2021: 39.930.582.019 đồng.
- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay tại thời điểm 31/12/2021 là 339.565.675.857 đồng. (Xem thuyết minh số V.19)
- Giá trị còn lại TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 đồng.

**10. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số đầu năm	184.609.600	184.609.600
Tăng trong năm	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>184.609.600</b>	<b>184.609.600</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>		
Số đầu năm	154.044.850	154.044.850
Khấu hao trong năm	22.371.683	22.371.683
Thanh lý, nhượng bán	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>176.416.533</b>	<b>176.416.533</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số đầu năm	30.564.750	30.564.750
<b>Số cuối năm</b>	<b>8.193.067</b>	<b>8.193.067</b>

- Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao vẫn tiếp tục sử dụng tại ngày 31/12/2021: 101.169.600 đồng.
- Không có TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay tại thời điểm 31/12/2021.
- Giá trị còn lại TSCĐ vô hình cuối năm chờ thanh lý: 0 đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY**

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển sang TSCĐ	Kết chuyển khác	Số cuối kỳ
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>300.621.012.101</b>	<b>45.976.121.556</b>	<b>344.940.212.295</b>	<b>679.558.544</b>	<b>977.362.818</b>
- Công trình bến số 2 (*)	300.260.133.920	44.008.903.026	343.884.155.037	176.700.000	208.181.909
- Trạm biến áp bến số 2	-	1.013.850.873	1.013.850.873	-	-
- Công trình nhà kho	20.909.090	233.636.364	-	-	254.545.454
- Công trình sửa chữa Bến Số 1 (Bọc đầu cọc)	-	-	-	-	-
- Công trình nâng cấp bến 120m	339.969.091	-	-	-	339.969.091
- Các công trình khác	-	719.731.293	42.206.385	502.858.544	174.666.364
<b>Chi phí sửa chữa tài sản</b>	<b>4.369.620.707</b>	<b>4.385.935.658</b>	<b>-</b>	<b>8.129.682.624</b>	<b>625.873.741</b>
- Sửa chữa bọc đầu cọc bến số 1	4.192.496.132	2.419.568.182	-	6.612.064.314	-
- Sửa chữa thường xuyên bản mặt cầu dẫn BS 1	177.124.575	352.927.898	-	9.400.000	520.652.473
- Chi phí lên đà tàu CM 01	-	947.553.037	-	947.553.037	-
- Chi phí sửa chữa tài sản khác	-	665.886.541	-	560.665.273	105.221.268
<b>Cộng</b>	<b>304.990.632.808</b>	<b>50.362.057.214</b>	<b>344.940.212.295</b>	<b>8.809.241.168</b>	<b>1.603.236.559</b>

(\*) Toàn bộ giá trị tài sản hình thành từ Công trình bến số 2 được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thừa Thiên Huế theo hợp đồng tín dụng số 01/2018/HĐCVDAĐT/NHCT460-CANGCHANMAY ngày 19/10/2018 (xem thuyết minh số V.19).

Tổng chi phí lãi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm là 8.976.091.179 đồng.

**12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Phải trả các người bán khác</b>	<b>5.334.867.538</b>	<b>7.337.781.350</b>
- Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng Phú Xuân (*)	3.180.698.970	3.180.698.970
- Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Tiến Lộc Phú	1.029.853.622	399.080.066
- Công ty TNHH Liên doanh Nguyên liệu giấy Huế	484.163.437	703.623.863
- Các nhà cung cấp khác	640.151.509	3.054.378.451
<b>Cộng</b>	<b>5.334.867.538</b>	<b>7.337.781.350</b>

(\*) Phải trả Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng Phú Xuân theo Hợp đồng thi công xây dựng số 15/2018/HĐXD ngày 19/06/2018 về đầu tư xây dựng Công trình bến số 2.

Tại thời điểm 31/12/2021, Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn thanh toán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY**

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn, dài hạn****13.1. Ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<b>393.769.996</b>	<b>134.105.061</b>
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hải Dương	197.230.000	-
- Công ty TNHH MTV Nguyễn Tuấn Hoàng	77.354.555	-
- Các khách hàng khác	119.185.441	134.105.061
<b>Cộng</b>	<b><u>393.769.996</u></b>	<b><u>134.105.061</u></b>

**13.2. Dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các người bán khác</i>	<b>67.872.483.570</b>	<b>67.872.483.570</b>
- Royal Caribbean Cruises Ltd (*)	67.872.483.570	67.872.483.570
<b>Cộng</b>	<b><u>67.872.483.570</u></b>	<b><u>67.872.483.570</u></b>

(\*) Khoản ứng trước theo thỏa thuận ngày 26/05/2015 giữa Công ty TNHH Một thành viên Cảng Chân Mây (nay là Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây) và Hãng Du lịch Tàu biển Royal Caribbean (chi tiết xem thuyết minh số VII.1).



**CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG CHẤN MÂY**

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính****14. Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế TNDN	466.449.042	-	322.661.131	466.449.042	322.661.131	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	13.961.634	334.333.595	305.851.927	14.520.034	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất (*)	-	-	31.145.649	31.145.649	-	-
Các loại thuế khác	-	-	6.000.000	6.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	2.005.563	427.706	427.706	-	2.005.563
<b>Cộng</b>	<b>466.449.042</b>	<b>15.967.197</b>	<b>694.568.081</b>	<b>809.874.324</b>	<b>337.181.165</b>	<b>2.005.563</b>

(\*) Quyền sử dụng đất thuế trả tiền hàng năm để thực hiện năm để thực hiện dự án đầu tư bên số 02 đang được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thừa Thiên Huế theo hợp đồng tín dụng số 01/2018/HĐCVDĐT/NHCT460-CANGCHANMAY ngày 19/10/2018 (xem thuyết minh số V.19).

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho dịch vụ cung ứng tàu biển cung cấp trực tiếp cho tổ chức nước ngoài hoặc thông qua đại lý tàu biển là 0%; cung cấp cho các tổ chức nội địa là 10%.

Các hoạt động khác áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%. Trong năm Công ty được giảm 30% thuế TNDN phải nộp theo Nghị định số 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành một số giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của dịch Covid-19.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được xác định như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY**

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.175.035.405	15.954.386.706
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	129.686.959	75.595.204
- Các khoản điều chỉnh tăng	129.686.959	76.685.480
+ Các khoản chi phí không hợp lý	106.900.887	64.278.664
+ Các khoản phạt vi phạm hành chính	427.706	554.579
+ Xử lý công nợ nhỏ lẻ	504.111	4.954.131
+ Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	21.854.255	6.898.106
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	1.090.276
+ Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	1.090.276
Thu nhập chịu thuế	2.304.722.364	16.029.981.910
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	460.944.473	3.205.996.382
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	138.283.342	961.798.915
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>322.661.131</b>	<b>2.244.197.467</b>

**Thuế nhà đất, tiền thuê đất**

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**15. Phải trả người lao động**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền lương phải trả	11.089.327.276	10.962.610.171
Tiền thưởng phải trả	-	-
<b>Cộng</b>	<b>11.089.327.276</b>	<b>10.962.610.171</b>

**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	-	-
<b>Phải trả các đối tượng khác</b>	<b>37.208.998.254</b>	<b>2.685.560.460</b>
Chi phí quyết toán xây dựng công trình bến số 2	34.350.442.210	-
Chi phí lãi vay phải trả	2.781.464.514	2.605.913.926
Chi phí chưa có hóa đơn, chứng từ	77.091.530	79.646.534
<b>Cộng</b>	<b>37.208.998.254</b>	<b>2.685.560.460</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY**

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các bên liên quan</i>	-	-
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>497.699.988</b>	<b>497.699.989</b>
- Công ty TNHH Thực Phẩm An Long Miền Trung	497.699.988	497.699.989
<b>Cộng</b>	<b><u>497.699.988</u></b>	<b><u>497.699.989</u></b>

**18. Phải trả khác ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<b>51.709.479.489</b>	<b>44.243.128.464</b>
- Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy (*)	51.709.479.489	44.243.128.464
<i>Phải trả các đối tượng và cá nhân khác</i>	<b>740.577.525</b>	<b>220.772.119</b>
- Kinh phí công đoàn	111.554.599	35.790.195
- Phải trả thù lao quản lý dự án Bến số 2	82.543.481	85.415.265
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	90.000.000
- Phải trả tiền đồng phục cho nhân viên	450.000.000	-
- Phải trả các đối tượng khác	96.479.445	9.566.659
<b>Cộng</b>	<b><u>52.450.057.014</u></b>	<b><u>44.463.900.583</u></b>

(\*) Bao gồm khoản lãi vay phải trả Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy: 16.684.922.964 đồng; khoản phải trả về cổ tức năm 2018, 2019 và 2020: 35.024.556.525 đồng (Số đầu năm bao gồm: Lãi vay phải trả: 16.684.922.964 đồng; cổ tức phải trả: 27.558.205.500 đồng).

**19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn****19.1. Ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>12.000.000.000</b>	<b>12.000.000.000</b>	<b>7.154.684.837</b>	<b>7.154.684.837</b>
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thừa Thiên Huế	12.000.000.000	12.000.000.000	7.154.684.837	7.154.684.837
<b>Cộng</b>	<b><u>12.000.000.000</u></b>	<b><u>12.000.000.000</u></b>	<b><u>7.154.684.837</u></b>	<b><u>7.154.684.837</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY**

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****19.2. Dài hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay dài hạn</b>	<b>176.176.490.609</b>	<b>176.176.490.609</b>	<b>186.021.805.772</b>	<b>186.021.805.772</b>
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thừa Thiên Huế	176.176.490.609	176.176.490.609	186.021.805.772	186.021.805.772
<b>Cộng</b>	<b>176.176.490.609</b>	<b>176.176.490.609</b>	<b>186.021.805.772</b>	<b>186.021.805.772</b>

Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thừa Thiên Huế theo hợp đồng tín dụng số 01/2018/HĐCVDAĐT/NHCT460-CANGCHANMAY ngày 19/10/2018. Hạn mức vay là 268.980.000.000 đồng nhưng không vượt quá 70% tổng vốn đầu tư thực tế của Dự án (bao gồm thuế GTGT và chi phí lãi vay trong thời gian thi công), thời hạn vay là 180 tháng từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên (từ ngày 16/01/2019 đến ngày 16/01/2034). Thời gian ân hạn là 18 tháng, hết thời gian ân hạn, nợ gốc được trả 3 tháng một lần, trả làm 54 kỳ. Lãi suất vay được xác định như sau:

- Trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên: 8%/năm;
- Từ tháng thứ 13 đến hết tháng thứ 24: 8,5%/năm;
- Từ tháng thứ 25 đến hết tháng thứ 96: lãi suất cho vay được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng Công thương Việt nam cộng (+) biên độ 2,5%/năm;
- Từ tháng thứ 97 đến hết tháng thứ 180: lãi suất cho vay được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng Công Thương Việt nam cộng (+) biên độ 3,5%/năm và không thấp hơn sàn lãi suất cho vay hiện hành của Ngân hàng Công Thương Việt Nam tại thời điểm đó.

Mục đích sử dụng tiền vay: đầu tư thực hiện Dự án đầu tư Bến số 2 – Cảng Chân Mây giai đoạn 1 tại vịnh Chân Mây, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế. Khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ tài sản hình thành từ dự án, bao gồm tất cả công trình xây dựng, máy móc thiết bị thuộc Bến số 2 – Cảng Chân Mây giai đoạn 1 và các tài sản khác đủ điều kiện nhận theo quy định của Bên cho vay. Đồng thời nhận thế chấp bổ sung các tài sản là: Quyền sử dụng đất của toàn bộ dự án và lưu giữ toàn bộ bản chính hồ sơ pháp lý của dự án; các quyền tài sản phát sinh trong quá trình thực hiện dự án như quyền tài sản đối với các hợp đồng thi công xây dựng, hợp đồng mua/nhập khẩu máy móc thiết bị, quyền thụ hưởng bảo hiểm và các quyền khác theo quy định của Pháp luật (xem thuyết minh số V.11).

**20. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

	Tăng do trích		Số sử dụng	
	Số đầu năm	lập trong năm	trong năm	Số cuối kỳ
<b>Dự phòng chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định định kỳ</b>				
Dự phòng sửa chữa, bảo dưỡng cầu cảng	-	3.418.300.032	-	3.418.300.032
Dự phòng sửa chữa thiết bị Gottwald	-	600.000.000	-	600.000.000
	-	<b>4.018.300.032</b>	-	<b>4.018.300.032</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY**

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Công ty trích lập dự phòng sửa chữa tài sản theo Quyết định số 13/QĐ-CNT của Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy. Theo đó, Công ty có kế hoạch sửa chữa lớn tài sản định kỳ trong năm 2022 với tổng mức đầu tư kế hoạch là 16,64 tỷ đồng.

**21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	1.400.925.128	342.754.731	-	1.743.679.859
Quỹ phúc lợi	145.611.416	1.316.189.655	(421.290.000)	1.040.511.071
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	397.584.000	(397.584.000)	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.546.536.544</u></b>	<b><u>2.056.528.386</u></b>	<b><u>(818.874.000)</u></b>	<b><u>2.784.190.930</u></b>

**22. Vốn chủ sở hữu****22.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm trước	324.054.150.000	13.991.192.465	25.099.590.542	363.144.933.007
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	13.710.189.239	13.710.189.239
Trích lập các quỹ	-	8.784.856.690	(11.165.262.092)	(2.380.405.402)
Chia cổ tức cho các cổ đông	-	-	(13.934.328.450)	(13.934.328.450)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b><u>324.054.150.000</u></b>	<b><u>22.776.049.155</u></b>	<b><u>13.710.189.239</u></b>	<b><u>360.540.388.394</u></b>
Số dư đầu năm này	324.054.150.000	22.776.049.155	13.710.189.239	360.540.388.394
Lợi nhuận trong năm	-	-	1.852.374.274	1.852.374.274
Trích lập các quỹ	-	4.113.056.772	(6.169.585.158)	(2.056.528.386)
Chia cổ tức cho các cổ đông	-	-	(7.540.604.081)	(7.540.604.081)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b><u>324.054.150.000</u></b>	<b><u>26.889.105.927</u></b>	<b><u>1.852.374.274</u></b>	<b><u>352.795.630.201</u></b>

Công ty Phân phối phối lợi nhuận và trích lập các quỹ theo Nghị Quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

**22.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Tỷ lệ vốn góp (%)</u>	<u>Vốn góp</u>	<u>Tỷ lệ vốn góp (%)</u>	<u>Vốn góp</u>
Vốn góp của cổ đông Nhà nước - Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy	98,89%	320.444.250.000	98,89%	320.444.250.000
Vốn góp của các cổ đông khác	1,11%	3.609.900.000	1,11%	3.609.900.000
<b>Cộng</b>	<b><u>100,00%</u></b>	<b><u>324.054.150.000</u></b>	<b><u>100,00%</u></b>	<b><u>324.054.150.000</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG CHÂN MÁY**

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****22.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	324.054.150.000	324.054.150.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	324.054.150.000	324.054.150.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia (*)	7.540.604.081	13.934.328.450

(\*) Công ty phân phối lợi nhuận theo Nghị Quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

**22.4. Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	32.405.415	32.405.415
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	32.405.415	32.405.415
- Cổ phiếu thường	32.405.415	32.405.415
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu thường	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.405.415	32.405.415
- Cổ phiếu thường	32.405.415	32.405.415
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐƠN VỊ TÍNH: ĐỒNG)****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ	150.853.802.957	127.141.567.302
Doanh thu bán hàng hóa	16.085.455.844	10.022.389.503
<b>Cộng</b>	<b>166.939.258.801</b>	<b>137.163.956.805</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	113.815.001.276	84.785.443.623
Giá vốn của hàng hóa đã bán	15.001.601.599	9.394.744.933
<b>Cộng</b>	<b>128.816.602.875</b>	<b>94.180.188.556</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG CHÂN MÂY**

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.667.043.218	1.947.345.062
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	1.090.276
<b>Cộng</b>	<b><u>1.667.043.218</u></b>	<b><u>1.948.435.338</u></b>

**4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	8.196.571.282	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	21.854.255	6.898.106
<b>Cộng</b>	<b><u>8.218.425.537</u></b>	<b><u>6.898.106</u></b>

**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	799.122.075	643.474.326
Chi phí khấu hao TSCĐ	96.115.512	96.115.512
Chi phí dịch vụ mua ngoài	155.581.819	297.764.171
Chi phí khác	564.331.362	470.434.177
<b>Cộng</b>	<b><u>1.615.150.768</u></b>	<b><u>1.507.788.186</u></b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	13.471.299.142	13.695.647.945
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.235.003.782	2.338.421.938
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.924.637.823	1.990.995.472
Dự phòng phải thu khó đòi	-	43.425.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.568.586.816	3.256.155.592
Chi phí bằng tiền khác	6.596.375.980	6.133.162.765
<b>Cộng</b>	<b><u>27.795.903.543</u></b>	<b><u>27.457.808.712</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY**

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****7. Thu nhập khác**

	Năm nay	Năm trước
Xử lý công nợ nhỏ lẻ	1.743.814	-
Thu từ bán hồ sơ mời thầu	10.000.001	-
Thu từ bồi thường	3.500.000	14.080.872
Các khoản thu nhập khác	-	10.557.731
<b>Cộng</b>	<b>15.243.815</b>	<b>24.638.603</b>

**8. Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
Tiền phạt vi phạm hành chính, tiền chậm nộp tiền thuế	427.706	554.579
Chi phí khác	-	29.405.900
<b>Cộng</b>	<b>427.706</b>	<b>29.960.479</b>

**9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.852.374.274	13.710.189.239
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(277.856.141)	(2.056.528.386)
+ Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) (**)	(277.856.141)	(2.056.528.386)
- LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	1.574.518.133	11.653.660.853
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	32.405.415	32.405.415
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng /cổ phiếu)</b>	<b>49</b>	<b>360</b>

(\*) Điều chỉnh khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi kỳ từ lợi nhuận sau thuế năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2021. Theo đó, tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2020 là 15% lợi nhuận sau thuế. Do đó, chỉ tiêu “Lãi cơ bản trên cổ phiếu” của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 là 360 đồng/cổ phiếu thay vì 383 đồng/cổ phiếu như đã trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

(\*\*) Tạm trích Quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2021 theo tỷ lệ 15% lợi nhuận sau thuế (tương đương tỷ lệ trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2021).

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY**

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	32.405.415	32.405.415
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b>	<b>32.405.415</b>	<b>32.405.415</b>

**10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.574.518.133	11.653.660.853
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:		
+ Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển đổi	-	-
+ Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi	-	-
- Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	32.405.415	32.405.415
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	32.405.415	32.405.415
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)</b>	<b>49</b>	<b>360</b>

**11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	13.680.232.450	8.213.005.281
Chi phí nhân công	48.623.092.248	42.430.336.502
Chi phí khấu hao tài sản cố định	29.474.709.664	23.827.747.736
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.157.245.947	32.723.980.488
Chi phí khác	20.411.763.619	6.603.596.942
<b>Cộng</b>	<b>143.347.043.928</b>	<b>113.798.666.949</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Các cam kết**

Theo thỏa thuận ngày 26/05/2015 giữa Công ty THHH Một thành viên Cảng Chân Mây (nay là Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây) và Hãng Du lịch Tàu biển Royal Caribbean, Royal Caribbean sẽ được ưu tiên sử dụng bến cập tàu và phải trả trước phí dịch vụ và phí hành khách nhằm hỗ trợ tài chính cho việc thi công dự án mở rộng và nâng cấp bến cập tàu của Cảng Chân Mây. Giá trị trả trước này sẽ được trừ dần vào phí dịch vụ và phí hành khách thực tế phát sinh từng lần. Trừ trường hợp chấm dứt trước thời hạn, thỏa thuận này có thời hạn 10 năm kể từ ngày 26/05/2015.

**2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY**

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và Ban thư ký Hội đồng quản trị. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

**Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt**

STT	Thành viên Ban lãnh đạo	Chức danh	Năm 2021			
			Lương, thưởng	Thù lao	Cổ tức	Cộng
1	Dương Bá Hòa	Chủ tịch HĐQT	407.198.913	-	-	407.198.913
2	Huỳnh Văn Toàn	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	472.800.702	36.000.000	1.467.900	510.268.602
3	Trần Văn Phong	Thành viên HĐQT	301.600.000	-	1.932.735	303.532.735
4	Hồ Hoàng Thi	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	367.169.360	36.000.000	1.541.295	404.710.655
5	Nguyễn Tiến Đạt	Thành viên HĐQT	-	36.000.000	-	36.000.000
6	Ngô Khánh Toàn	Kế toán trưởng	369.018.182	-	464.835	369.483.017
7	Phan Tuấn Anh	Trưởng ban kiểm soát	305.135.494	-	391.440	305.526.934
8	Hoàng Trung Chính	Tổ trưởng Tổ thư ký	197.366.285	18.000.000	440.370	215.806.655
	<b>Tổng cộng</b>		<b>2.420.288.936</b>	<b>126.000.000</b>	<b>6.238.575</b>	<b>2.552.527.511</b>

STT	Thành viên Ban lãnh đạo	Chức danh	Năm 2020			
			Lương, thưởng	Thù lao	Cổ tức	Cộng
1	Dương Bá Hòa	Chủ tịch HĐQT	432.000.000	-	-	432.000.000
2	Huỳnh Văn Toàn	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	340.101.818	15.000.000	2.709.000	357.810.818
3	Trần Văn Phong	Thành viên HĐQT	377.018.182	21.000.000	3.566.850	401.585.032
4	Hồ Hoàng Thi	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	417.600.000	36.000.000	2.844.450	456.444.450
5	Nguyễn Tiến Đạt	Thành viên HĐQT	-	15.000.000	-	15.000.000
6	Ngô Khánh Toàn	Kế toán trưởng	417.600.000	-	857.850	418.457.850
7	Phan Tuấn Anh	Trưởng ban kiểm soát	345.600.000	-	722.400	346.322.400
8	Hoàng Trung Chính	Tổ trưởng Tổ thư ký	-	13.500.000	812.700	14.312.700
	<b>Tổng cộng</b>		<b>2.329.920.000</b>	<b>100.500.000</b>	<b>11.513.250</b>	<b>2.441.933.250</b>

**Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Bên liên quan khác với Công ty chỉ có Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy là công ty mẹ với tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết tương ứng 98,89%.

**Giao dịch với các bên liên quan phát sinh trong kỳ**

	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy</b>		
- Chia cổ tức	7.466.351.025	13.779.102.750



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY**

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Công nợ với các bên liên quan khác tại ngày 31/12/2021 như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả khác</b>		
Phải trả lãi vay Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy	16.684.922.964	16.684.922.964
Phải trả cổ tức Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy	35.024.556.525	27.558.205.500

**3. Báo cáo bộ phận****3.1. Trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

	Dịch vụ cung ứng tàu biển	Xăng dầu	Các khoản loại trừ	Cộng
<b>Năm nay</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	150.853.802.957	16.085.455.844	-	166.939.258.801
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	150.853.802.957	16.085.455.844	-	166.939.258.801
Giá vốn bộ phận	113.815.001.276	15.001.601.599	-	128.816.602.875
Lợi nhuận gộp bộ phận	37.038.801.681	1.083.854.245	-	38.122.655.926
<b>Năm trước</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	127.141.567.302	10.022.389.503	-	137.163.956.805
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	127.141.567.302	10.022.389.503	-	137.163.956.805
Giá vốn bộ phận	84.785.443.623	9.394.744.933	-	94.180.188.556
Lợi nhuận gộp bộ phận	42.356.123.679	627.644.570	-	42.983.768.249

**3.2. Trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**

Trong năm, toàn bộ hoạt động của Công ty đều được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam.

**4. Số liệu so sánh**

Là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng.

**5. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục**

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG CHÂN MÂY**

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**6. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Phú Lộc, ngày 10 tháng 03 năm 2022



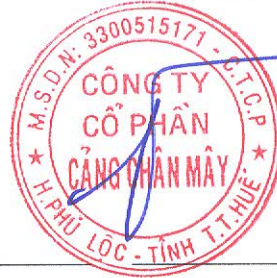
**BÙI THỊ NGỌC LINH**

Người lập biểu



**NGÔ KHÁNH TOÀN**

Kế toán trưởng



**HUỲNH VĂN TOÀN**

Tổng Giám đốc

